TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 13/12/2021
V/v *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Châu Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Kim Phương

Bà Phạm Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh – Thư ký TAND huyện Thống Nhất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/QĐST- HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Thái Thị Thanh T**, sinh năm: 2001.

Địa chỉ: 102 khu 7, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Lê Ngọc T1**, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: 228/4, Khu phố L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T, Anh T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Thái Thị Thanh T trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh T1 qua thời gian quen biết khoảng gần 01 năm thì hai anh chị đã tổ chức đám cưới, sau đó sống chung như vợ chồng tại nhà của chị T. Đến ngày 15/01/2020, chị T và anh T1 đi đăng kí kết hôn và được UBND xã Hưng Lộc cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02.

Trong quá trình chung sống như vợ chồng thì chị T và anh T1 đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T1 cờ bạc, không lo làm ăn, ít quan tâm đến chị T và thường xuyên còn hành hung đánh chị T (nhưng không để lại thương tích). Cứ mỗi lần chị T khuyên thì anh T1 lại la mắng và đánh chị T. Trong quá trình mang thai thì anh T1 cũng không quan tâm đến chị T. Đến ngày 17/01/2021, chị T sanh cháu Lê Thái Hiền N và về nhà mẹ đẻ sinh sống. Sau đó, anh T1 có sang thăm chị T và con được vài lần. Trong quá trình nuôi con thì anh T1 chưa bao giờ chu cấp hay hỗ trợ vật chất cho chị T nuôi cháu N. Cho đến nay, anh T1 chỉ đến thăm cháu N chứ không hỗ trợ cho chị T cùng nuôi con. Việc nuôi cháu N cũng vất vả nhưng anh T1 cũng không quan tâm, hỏi han hay động viên chị T mà ngược lại mỗi lần gặp nhau là anh T1 la mắng, đánh chị T. Do không chịu nổi tính cách và sự hành hung của anh T1 nên chị T đã không còn gặp và liên lạc với anh T1 gần nửa năm nay. Nhận thấy hai vợ chồng không thể hàn gắn lại được nữa nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1.

- *Về con chung:* Vợ chồng chị T chung sống có một con chung là cháu Lê Thái Hiền N, sinh ngày: 17/01/2020. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu N đang ở cùng với chị T tại địa chỉ số 102 khu 7, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Hiện nay chị T làm thợ trang điểm và bán hàng tự do, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng một tháng.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị Thái Thị Thanh T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Lê Ngọc T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng anh T1 không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, tuy Nên nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Thái Thị Thanh T được ly hôn với anh Lê Ngọc T1.

+ Về con chung: Giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên kiến nghị khắc phục: Vụ án chưa đảm bảo đúng thời hạn xét xử; thủ tục niêm yết văn bản tố tụng chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 179; 203- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ngoài ra, không có ý kiến bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Theo kết quả xác minh, hiện bị đơn đang cư trú tại thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai những vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

*** Về nội dung:**

[1] Về hôn nhân: Chị T và anh T1 sau thời gian tìm hiểu, quen biết nhau đã đi đến kết hôn và được UBND xã Hưng Lộc cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 15/01/2020 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 nhận thấy: Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, chị T và anh T1 đã không còn sống chung với nhau, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình. Mặc dù sự việc này không được anh T1 thừa nhận nhưng lời khai của chị T phù hợp với kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn Dầu Giây và Công an thị trấn Dầu Giây. Theo biên bản xác minh ngày 16/4/2021 của Công an thị trấn D cho biết: *"... hiện nay được biết chị T và anh T1 không còn sống chung với nhau nữa, anh T1 có hộ khẩu và đang sinh sống tại địa chỉ 228/4, Khu phố L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai ."* Lời khai trưởng ấp *" ... hiện nay được biết chị T và anh T1 không còn sống chung với nhau nữa, lý do anh T1 sử dụng ma túy đá,*

hiện chị T dọn về nhà mẹ ruột sinh sống, mâu thuẫn vợ chồng từ việc anh T1 sử dụng ma túy đá….”

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổ chức hòa giải để kêu gọi vợ chồng về đoàn tụ gia đình nhưng anh T1 vắng mặt thể hiện anh T1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị T.

Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ. Hôn nhân của chị T và anh T1 được xác lập theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Vợ chồng chị T và Anh T1 chung sống có 01 con chung là cháu Lê Thái Hiền N, sinh ngày: 17/01/2020.

Xét yêu cầu của nguyên đơn khi ly hôn được trực tiếp nuôi con chung, nhận thấy: Hiện con chung dưới 36 tháng tuổi và đang sống cùng với chị T. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ cần tiếp tục giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Chị T hiện có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc cho con chung. Mặc dù đã được Tòa án giải thích pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị T cũng không yêu cầu nên tạm thời anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung đồng thời không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thái Thị Thanh T.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Thái Thị Thanh T và anh Lê Ngọc T1 được ly hôn.

2. Về con chung:

2.1 Giao cháu Lê Thái Hiền N, sinh ngày: 17/01/2020 cho chị Thái Thị Thanh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.2 Anh Lê Ngọc T1 được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Tạm thời anh Lê Ngọc T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Thái Thị Thanh T không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006531 ngày 26/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
THẨM
- VKSND H.TN;
- Chi cục THADS H.TN;
- UBND xã Hưng Lộc (Số 02/2020);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Châu Ngọc Hà